

# Nghiên cứu phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giáo viên tiểu học ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Hồ Văn Thống\*<sup>1</sup>, Nguyễn Văn Đệ<sup>2</sup>,  
Lữ Thị Hải Yến<sup>3</sup>, Cao Thanh Hùng<sup>4</sup>

\* Tác giả liên hệ

<sup>1</sup> Email: hvthong@dtthu.edu.vn

<sup>2</sup> Email: nvde@dtthu.edu.vn

<sup>3</sup> Email: haiyen1973@gmail.com

<sup>4</sup> Email: cthung@cdspkg.edu.vn

Trường Đại học Đồng Tháp  
783, Phạm Hữu Lầu, thành phố Cao Lãnh,  
tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**TÓM TẮT:** Giảng dạy và nghiên cứu khoa học là hai hoạt động có mối quan hệ gắn bó, hai nhiệm vụ trọng tâm của giáo viên. Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi bổ sung một số chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông đã đặc biệt chú trọng hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên. Theo đó, phát triển năng lực nghiên cứu khoa học là khâu đột phá để nâng cao chất lượng giáo dục và là tiền đề quan trọng để nền giáo dục thực sự trở thành động lực góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đây chính là ẩn số của bài toán phát triển, đòi hỏi chúng ta cần sớm tìm lời giải để khắc phục những bất cập, hạn chế đang tồn tại nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả tập trung đánh giá thực trạng và đề xuất biện pháp phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giáo viên tiểu học ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long - một trong những vấn đề có tính quyết định cho tiến trình thực hiện đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

**TỪ KHÓA:** Đội ngũ giáo viên tiểu học, năng lực, nghiên cứu khoa học, phát triển, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

→ Nhận bài 28/11/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 14/12/2023 → Duyệt đăng 15/01/2024.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410110>

## 1. Đặt vấn đề

Toàn cầu hóa đã làm cho môi trường giáo dục thay đổi nhanh chóng và kéo theo vai trò của giáo viên với những đòi hỏi cao hơn về phẩm chất, năng lực. Theo đó, giáo viên phải biết cách “kích thích” những hiểu biết của người học, gợi mở cho người học trong suy nghĩ và dẫn dắt người học trong hiểu biết để giúp người học có thể vượt qua được mọi khó khăn, thách thức. Ngày nay, phương pháp dạy học đang chuyển từ kiểu dạy thông báo - đồng loạt sang kiểu dạy học phát triển năng lực người học. Do vậy, giáo viên không còn đóng vai trò chỉ là người truyền đạt kiến thức mà là người gợi mở, hướng dẫn, tổ chức các hoạt động tìm tòi, tranh luận của người học; kết hợp việc giảng dạy tri thức với giáo dục giá trị và phát triển tư duy sáng tạo [1].

Nhân tố giữ vị trí then chốt trong quá trình dạy - học và nâng cao chất lượng giáo dục là chất lượng đội ngũ giáo viên. Vị thế của người thầy cũng chính là vị thế của giáo dục, là vị thế của các nhà trường và ngược lại; “Không một hệ thống giáo dục nào có thể vươn cao quá tầm những giáo viên làm việc cho nó” [2]. Rõ ràng, giáo viên giữ vai trò quyết định trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Hoạt động dạy - học ở trường phổ thông đòi hỏi giáo viên cần đáp ứng nhiều năng lực khác nhau như: Năng lực khoa học, năng lực hiểu trình độ học sinh, năng lực thiết kế tài liệu

học tập, năng lực ngôn ngữ, năng lực nắm vững kỹ thuật dạy học. Theo đó, hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên mang đến rất nhiều ý nghĩa tích cực cho bản thân người nghiên cứu. Giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học một mặt vừa củng cố chuyên môn được đào tạo, mặt khác vừa có điều kiện mở rộng phạm vi hiểu biết của mình. Quá trình tham gia nghiên cứu khoa học góp phần phát triển tư duy, năng lực sáng tạo và khả năng làm việc độc lập. Đồng thời, thông qua nghiên cứu khoa học, mỗi giáo viên sẽ tăng thêm sự hiểu biết về lĩnh vực nghề nghiệp, góp phần hình thành và bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp, giúp họ hòa nhập tốt hơn, chủ động hơn, tự tin hơn trong công việc của mình [3].

Giảng dạy và nghiên cứu khoa học là hai hoạt động có mối quan hệ gắn bó, là hai nhiệm vụ trọng tâm của giáo viên. Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi bổ sung một số chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông đã đặc biệt chú trọng hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên [4]. Nếu xem đổi mới quản lý giáo dục và phát triển đội ngũ giáo viên là khâu đột phá để nâng cao chất lượng giáo dục thì việc đầu tư và tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học ở các cơ sở giáo dục là tiền đề quan trọng để nền giáo dục thực sự trở thành động lực góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong khuôn khổ nghiên cứu

này, chúng tôi tập trung đánh giá thực trạng và đề xuất biện pháp phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giáo viên tiểu học ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long - Một trong những vấn đề có tính quyết định cho tiến trình thực hiện đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Quan điểm tiếp cận nghiên cứu

#### 2.1.1. Tiếp cận quan điểm hệ thống

Hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên là các quan hệ giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức nghiên cứu; sự thay đổi một yếu tố sẽ kéo theo thay đổi các yếu tố khác. Đồng thời, hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên chịu sự chi phối trực tiếp, thường xuyên của môi trường nghiên cứu và đến lượt mình, kết quả nghiên cứu khoa học lại phục vụ cho quá trình dạy học của giáo viên [5].

#### 2.1.2. Tiếp cận quan điểm phát triển

Quá trình nghiên cứu khoa học luôn luôn vận động và phát triển, cần có sự kế thừa và dự báo tương lai; đặc biệt, trong bối cảnh đổi mới giáo dục và thực hiện thông tư số 15/2017/TT- BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi bổ sung một số chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông về hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên trong cơ sở giáo dục. Do vậy, phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho giáo viên không thể không cần nhắc đến sự kế thừa và dự báo cho quá trình phát triển bền vững [6].

#### 2.1.3. Tiếp cận quan điểm hoạt động và thực tiễn

Năng lực nghiên cứu khoa học được biểu hiện qua hoạt động; đồng thời, cần đáp ứng nhu cầu thực tế về sản phẩm nghiên cứu. Do vậy, phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho giáo viên cần được dựa trên các căn cứ về hoạt động và thực tiễn; đặc biệt, cần coi trọng và đề cao hoạt động tự bồi dưỡng của giáo viên [7].

### 2.2. Kết quả nghiên cứu

#### 2.2.1. Về vai trò của giáo viên với hoạt động nghiên cứu khoa học trong bối cảnh đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Với vai trò nhà khoa học, giáo viên ngày nay phải như một chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình; một người điều phối, thiết kế chương trình và nội dung môn học; người tư vấn cho học sinh cũng như kiểm tra, đánh giá hiệu quả dạy học. Giáo viên là những người không chỉ có kiến thức uyên thâm trong lĩnh vực chuyên môn mà còn hiểu biết tường tận những quy luật nhận thức diễn ra trong quá trình học tập; từ đó biết cách giúp đỡ học sinh từng bước nắm vững môn học, biết cách giúp học sinh vượt qua những khó khăn tất yếu của môn học. Mặt khác, giáo viên phải biết cách thiết kế bài kiểm tra phù hợp với yêu cầu, mục đích và kết quả học tập của học sinh một cách công bằng, chính

xác. Đặc biệt, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đặt ra những yêu cầu mới về kỹ năng, năng lực, phương pháp dạy học đối với giáo viên. Đó là, việc sử dụng công nghệ và phương tiện kỹ thuật mới trong giảng dạy, học tập, việc bố trí dạy và học sẽ phải biến đổi. Trong một giờ học, một buổi học hiện đại, giáo viên phải điều phối thiết bị dạy học có hiệu quả [8]. Theo chúng tôi, tất cả những yêu cầu đó sẽ được giải quyết hiệu quả nhất thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục của giáo viên.

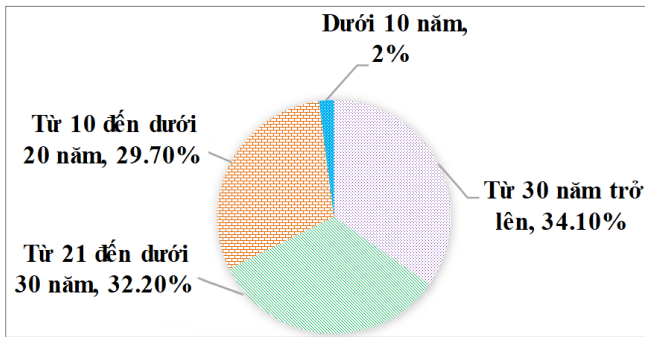
Thực tiễn cho thấy rằng, năng lực dạy học là tiêu chí cần có của giáo viên và tiêu chí quan trọng, không thể thiếu được là năng lực nghiên cứu khoa học. Do đó, cần phải làm để hai hoạt động này luôn diễn ra song hành và hỗ trợ tích cực cho nhau trong quá trình phát triển. Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho giáo viên là quá trình giúp giáo viên không ngừng vươn lên chiếm lĩnh tri thức khoa học, nâng cao phương pháp tư duy và sáng tạo, hướng đến phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề thực tiễn nảy sinh, với những vai trò hết sức quan trọng được biểu hiện trên các mặt sau: 1) Giúp giáo viên đào sâu hơn, nắm bắt chặt chẽ hơn kiến thức chuyên môn mà mình đang trực tiếp giảng dạy. Đồng thời, họ sẽ tự cập nhật thông tin, tiếp nhận thêm lượng kiến thức mới từ những nguồn khác nhau, nhằm kịp thời điều chỉnh, bổ sung những kiến thức chưa chuẩn xác trong bài giảng của mình; 2) Phát triển tư duy độc lập, năng lực sáng tạo, khả năng làm việc độc lập, trao đổi tri thức và các phương pháp nhận thức, nhân sinh quan khoa học cho giáo viên; 3) Tiến hành đổi mới nội dung, phương pháp dạy học để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục; 4) Tạo thành động lực bên trong kích thích tính tích cực, chủ động và góp phần nâng cao vị thế, uy tín của chính bản thân giáo viên khi mỗi công trình nghiên cứu khoa học được đánh giá cao, các bài viết tham gia hội thảo và bài viết trên tạp chí khoa học chuyên ngành được công bố [9].

Trong bối cảnh đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, theo chúng tôi, yêu cầu cấp thiết đối với giáo viên là nhanh chóng chuyển đổi cách dạy theo tiếp cận phát triển năng lực và tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học.

#### 2.2.2. Đánh giá thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ giáo viên ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long

##### a. Phương pháp nghiên cứu

*Mẫu nghiên cứu:* Nghiên cứu này sử dụng một mẫu thuận tiện bao gồm 1.066 người (trong đó có 868 giáo viên tiểu học và 198 cán bộ quản lý giáo dục) ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. Thâm niên nghề nghiệp của những người tham gia phản hồi khảo sát được thể hiện qua Sơ đồ 1.



Sơ đồ 1: Đặc điểm của mẫu nghiên cứu theo thâm niên nghề nghiệp

- Cơ cấu về giới tính: Tỷ lệ cán bộ quản lý và giáo viên là nữ trong mẫu khảo sát khoảng 72%. Kết quả khảo sát cho thấy, xấp xỉ 2% cán bộ quản lý và giáo viên có trình độ đào tạo thạc sĩ.

- Tất cả những người tham gia đều được giải thích rõ ràng rằng, họ có thể tự do rút lui khỏi nghiên cứu bất cứ lúc nào; quyền riêng tư của người tham gia được đảm

bảo liên quan đến thông tin họ cung cấp trong bảng câu hỏi; không có câu hỏi hoặc phát biểu nào yêu cầu người tham gia cung cấp tên hoặc trường nơi họ đang công tác.

**Công cụ nghiên cứu:** Thang đánh giá về hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ giáo viên tiểu học ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long bao gồm 6 thành tố: 1) Nhận thức về vai trò hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên; 2) Năng lực nghiên cứu khoa học của giáo viên; 3) Mức độ tham gia các loại hình hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên; 4) Các loại hình công bố kết quả nghiên cứu khoa học của giáo viên; 5) Mức độ khó khăn của giáo viên thường gặp khi tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học; 6) Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên đã được sử dụng để đánh giá nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên tiểu học ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (xem Bảng 1).

**Cách thức xử lý số liệu khảo sát:** Mỗi biến quan sát được thiết kế dựa trên thang đo Likert. Điểm số được quy đổi theo thang bậc 5 ứng với các mức độ. Điểm

**Bảng 1: Các chỉ báo về hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên**

Các thành tố về hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên	Các chỉ báo [9]
1. Nhận thức về vai trò hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giáo viên.</li> <li>- Nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy của giáo viên.</li> <li>- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của giáo viên trong hoạt động nghề nghiệp.</li> <li>- Làm cho nội dung bài giảng của giáo viên trở nên hấp dẫn, lôi cuốn.</li> <li>- Tạo nên tinh tích cực học tập của học sinh trong quá trình học tập.</li> <li>- Góp phần nâng cao năng lực ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên.</li> </ul>
2. Năng lực nghiên cứu khoa học của giáo viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực phát hiện vấn đề nghiên cứu khoa học.</li> <li>- Năng lực xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học.</li> <li>- Năng lực tổ chức triển khai quá trình nghiên cứu.</li> <li>- Năng lực làm việc nhóm trong quá trình nghiên cứu khoa học.</li> <li>- Năng lực viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.</li> </ul>
3. Mức độ tham gia các loại hình hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết sáng kiến kinh nghiệm.</li> <li>- Hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học.</li> <li>- Chủ nhiệm đề tài khoa học cấp cơ sở.</li> <li>- Tham gia thực hiện đề tài cấp Bộ/Tỉnh.</li> <li>- Tham gia thực hiện đề tài cấp Nhà nước.</li> <li>- Tham gia thực hiện đề tài của các tổ chức phi Chính phủ, các đoàn thể xã hội.</li> </ul>
4. Các loại hình công bố kết quả nghiên cứu khoa học của giáo viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bài đăng tải trên tạp chí chuyên ngành ở nước ngoài.</li> <li>- Có bài đăng tải trên tạp chí chuyên ngành ở trong nước.</li> <li>- Có báo cáo tham luận tại hội thảo khoa học ở nước ngoài.</li> <li>- Có báo cáo tham luận tại hội thảo khoa học trong nước.</li> <li>- Cập nhật kết quả nghiên cứu khoa học vào bài giảng cho học sinh.</li> <li>- Chuyển kết quả nghiên cứu khoa học của bản thân thành tài liệu bồi dưỡng/tập huấn nâng cao năng lực dạy học cho giáo viên phổ thông.</li> </ul>
5. Mức độ khó khăn của giáo viên thường gặp khi tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định tên đề tài nghiên cứu.</li> <li>- Xác định mục tiêu nghiên cứu.</li> <li>- Xác định nhiệm vụ nghiên cứu.</li> <li>- Xác định đối tượng và khách thể nghiên cứu.</li> <li>- Xác định giả thuyết khoa học.</li> <li>- Thu thập thông tin nghiên cứu.</li> <li>- Phân tích, đánh giá về kết quả nghiên cứu.</li> <li>- Viết báo cáo kết quả nghiên cứu.</li> </ul>

Các thành tố về hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên	Các chỉ báo [9]
6. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Động cơ và niềm say mê nghiên cứu khoa học.</li> <li>- Ý thức về nghĩa vụ của người giáo viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học.</li> <li>- Bầu không khí tâm lý, truyền thống của nhà trường.</li> <li>- Các lớp bồi dưỡng, tập huấn về nghiên cứu khoa học.</li> <li>- Sự đầu tư, hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học dành cho giáo viên.</li> </ul>

**Bảng 2: Kết quả đánh giá thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ giáo viên tiểu học ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long**

Thang đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên	Tự đánh giá của giáo viên			Đánh giá của cán bộ quản lí			Số biến quan sát
	Trị trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)	Hệ số tin cậy (Alpha)	Trị trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)	Hệ số tin cậy (Alpha)	
1. Nhận thức về vai trò hoạt động nghiên cứu khoa học của người giáo viên	3.52	0.77	0.86	3.58	0.76	0.98	6
2. Năng lực nghiên cứu khoa học của người giáo viên	2.44	0.82	0.91	2.39	0.84	0.89	6
3. Mức độ tham gia các loại hình hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên	2.16	0.66	0.66	2.14	0.85	0.82	6
4. Các loại hình phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học của giáo viên	2.50	0.78	0.82	2.56	0.77	0.92	6
5. Mức độ khó khăn của giáo viên thường gặp khi tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học	3.66	0.81	0.92	3.77	0.82	0.96	8
6. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên	3.08	0.83	0.89	3.28	0.80	0.95	5

thấp nhất là 1 và cao nhất là 5, chia đều thang đo làm 5 mức; khoảng cách giữa các thang đo là 0.8 được tính theo công thức  $[(\text{max} - \text{min})/n]$ . Theo đó, thang đo gồm 5 mức: Mức 1:  $1.0 \leq \text{điểm trung bình} < 1.8$ ; mức 2:  $1.8 \leq \text{điểm trung bình} < 2.6$ ; mức 3:  $2.60 \leq \text{điểm trung bình} < 3.4$ ; mức 4:  $3.4 \leq \text{điểm trung bình} < 4.2$ ; mức 5:  $4.2 \leq \text{điểm trung bình} \leq 5.0$  [10].

*b. Kết quả và thảo luận*

- Với 6 nhóm chỉ báo và 36 nhận định, đại diện cho 6 thành tố về hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ giáo viên tiểu học, kết quả đánh giá của 868 giáo viên và 198 cán bộ quản lí ở Bảng 2 cho thấy, mức độ đáp ứng hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ giáo viên tiểu học ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long có thể chia thành 3 nhóm sau:

*Nhóm 1:* Là các thành tố nghiên cứu khoa học có mức đáp ứng với điểm trung bình được đánh giá lớn hơn 3.5 bao gồm: 1) Nhận thức về vai trò hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên (Nâng cao tinh thần trách nhiệm của giáo viên trong hoạt động nghề nghiệp; làm cho nội dung bài giảng của giáo viên trở nên hấp dẫn, lôi cuốn); 2) Mức độ khó khăn của giáo viên thường gặp khi tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học (Tìm vấn đề nghiên cứu; Phân tích, đánh giá về kết quả nghiên cứu; Viết báo cáo kết quả nghiên cứu).

*Nhóm 2:* Là thành tố nghiên cứu khoa học có mức đáp ứng với điểm trung bình được đánh giá nhỏ hơn 3.5

nhưng lớn hơn 3.0 bao gồm: Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên (sự đam mê đối với hoạt động nghiên cứu khoa học; bầu không khí tâm lý, truyền thống của nhà trường; sự đầu tư, hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học dành cho giáo viên).

*Nhóm 3:* Là các thành tố nghiên cứu khoa học có mức đáp ứng với điểm trung bình được đánh giá nhỏ hơn 3.0, bao gồm: 1) Năng lực nghiên cứu khoa học của giáo viên (năng lực làm việc nhóm trong quá trình nghiên cứu khoa học); 2) Mức độ tham gia các loại hình hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên (Tham gia thực hiện đề tài cấp Bộ/Tỉnh, cấp Nhà nước); 3) Các loại hình phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học của giáo viên (Có bài đăng tải trên tạp chí chuyên ngành).

- Kết quả nghiên cứu của đề tài “Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông tỉnh Đồng Tháp đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục mới”, mã số 09/2021-ĐTXH đã chỉ ra những hạn chế, bất cập về hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ giáo viên tiểu học. Cụ thể là: 1) Đội ngũ giáo viên tiểu học chưa có nhu cầu và mong muốn tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học. Nguyên nhân được chỉ ra do áp lực dạy học và tham gia nhiều công việc ở nhà trường; 2) Đội ngũ giáo viên tiểu học còn hạn chế về khả năng nghiên cứu khoa học sự phạm ứng dụng, vẫn nặng tính bảo thủ, thiếu chia sẻ; 3) Ý thức bồi dưỡng chuyên môn yếu một phần do khả năng tự bồi dưỡng, một phần do cách quản



lí và tổ chức bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học hiện còn nặng về hình thức, thậm chí còn hiện tượng giáo viên nhờ người viết báo cáo bồi dưỡng; 4) Đội ngũ giáo viên tiểu học còn thiếu nhạy bén trong tiếp cận ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động nghiên cứu khoa học. Trong khi đó, tại các trường tiểu học, hoạt động bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên chưa được chú trọng [6].

### 2.2.3. Đề xuất biện pháp phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giáo viên tiểu học ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long

#### a. Nâng cao nhận thức, củng cố động cơ và niềm say mê nghiên cứu khoa học cho giáo viên tiểu học

Năng lực nghiên cứu khoa học của giáo viên sẽ được hình thành và phát triển trong quá trình họ tham gia tích cực vào hoạt động nghiên cứu khoa học. Cơ sở của tính tích cực đó chính là động cơ, mục đích đúng đắn trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Đề tác động có hiệu quả đến động cơ, mục đích nghiên cứu của giáo viên, lãnh đạo các trường tiểu học và đội ngũ giáo viên cần quán triệt đầy đủ Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi bổ sung một số chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông. Trên cơ sở đó, từng giáo viên phải biến những yêu cầu chung đề lí giải những vấn đề bức thiết của ngành Giáo dục thành nhu cầu, mong muốn và động cơ nhận thức khoa học của chính mình; từ đó, cụ thể hóa thành mục đích, kế hoạch nghiên cứu rõ ràng và thiết thực. Mặt khác, lãnh đạo các trường tiểu học và giáo viên cần chú trọng làm tốt từ khâu xây dựng, phổ biến kế hoạch, duy trì có hiệu quả các hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên, tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học từ thấp đến cao, dần dần tạo nên sự hứng thú, say mê cho giáo viên. Đồng thời, tổ chức tốt các hoạt động tổng kết, đánh giá, kịp thời khích lệ, biểu dương những giáo viên, nhóm giáo viên có kết quả nghiên cứu tốt.

#### b. Chú trọng bồi dưỡng tri thức, kỹ năng nghiên cứu khoa học cho giáo viên tiểu học

Nội dung bồi dưỡng kỹ năng nghiên cứu khoa học cho giáo viên, bao gồm: 1) Kỹ năng triển khai đề cương nghiên cứu theo các công đoạn; 2) Kỹ năng tìm kiếm và sử dụng tài liệu khoa học để nghiên cứu; 3) Kỹ năng quản lí và giám sát đề tài nghiên cứu; 4) Kỹ năng xử lí số liệu thống kê toán học; 5) Kỹ năng tổ chức chuyên đề khoa học; 6) Kỹ năng viết tóm tắt, viết báo cáo đề tài; 7) Kỹ năng thuyết trình và bảo vệ đề tài; 8) Kỹ năng chuyển giao kết quả nghiên cứu; 9) Kỹ năng sử dụng tiếng nước ngoài trong nghiên cứu; 10) Kỹ năng làm việc nhóm trong nghiên cứu [9].

Từ thực tiễn của đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, chúng tôi cho rằng, bồi dưỡng tri thức, kỹ năng và tiềm lực nghiên cứu khoa học sẽ theo 3 cấp độ sau:

*Cấp độ 1:* Bồi dưỡng kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học, công việc này không chỉ bồi

dưỡng lí thuyết mà cả vấn đề thực hành đối với giáo viên.

*Cấp độ 2:* Tổ chức trao đổi, tổng kết từ mỗi trường đến hội thảo toàn ngành Giáo dục của mỗi tỉnh về hoạt động nghiên cứu khoa học.

*Cấp độ 3:* Các trường tiểu học hình thành nhóm nghiên cứu khoa học để thực hiện các nghiên cứu gắn với thực tiễn giáo dục đổi mới hiện nay.

Quy trình triển khai bồi dưỡng kỹ năng nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giáo viên: Bước 1. Xác định nhu cầu bồi dưỡng của đội ngũ giáo viên tiểu học; Bước 2. Lập kế hoạch bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên tiểu học; Bước 3. Xác định phương pháp bồi dưỡng đội ngũ giáo viên tiểu học; Bước 4. Tổ chức, chỉ đạo hoạt động bồi dưỡng đội ngũ giáo viên tiểu học; Bước 5. Đánh giá kết quả hoạt động bồi dưỡng đội ngũ giáo viên tiểu học.

Đồng thời, cần nhận thức sâu sắc rằng, nghiên cứu khoa học là quá trình tìm tòi, phát hiện những cái mới. Vì vậy, mỗi giáo viên cần rèn luyện bồi dưỡng nâng cao khả năng tư duy độc lập, sáng tạo trong hoạt động nghiên cứu để tránh sự sáo rỗng, lối mòn. Mỗi giáo viên phải kiến tạo cho mình một bản lĩnh cần thiết của người làm công tác nghiên cứu khoa học. Họ phải nhạy bén với các vấn đề từ những nghiên cứu giải quyết các hiện tượng nhỏ trên lớp, cho đến những vấn đề lớn trong quá trình dạy học, nó thực sự góp phần thay đổi phương pháp dạy theo tiếp cận năng lực và rèn cho giáo viên tác phong làm việc khoa học [7].

#### c. Kiến tạo môi trường thuận lợi trong hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên tiểu học

Theo số liệu từ khảo sát đánh giá thực trạng, hiện nay số giáo viên các trường tiểu học tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học chưa nhiều, chưa thường xuyên. Họ chưa có nhu cầu và mong muốn tham gia hoạt động nghiên cứu. Để khắc phục tình trạng đó, các trường tiểu học phải không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học với việc tạo điều kiện thuận lợi như: Tăng cường hoạt động thông tin khoa học; xây dựng môi trường thông tin và chia sẻ những tri thức được cập nhật; tổ chức các hoạt động nghiên cứu thực tiễn và những vấn đề đổi mới giáo dục phổ thông nhằm tạo điều kiện cho giáo viên nắm bắt được nhiều sự kiện, nâng cao khả năng tìm tòi, hình thành các hướng nghiên cứu đáp ứng yêu cầu giáo dục trong bối cảnh mới.

Các trường tiểu học cần cần xây dựng cơ chế tự chủ, cơ chế phối hợp, hỗ trợ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho hoạt động nghiên cứu của giáo viên.

Các chủ thể quản lí cần xây dựng biện pháp tuyển chọn công khai, minh bạch trên cơ sở các quy định của nhà trường nhằm chọn được những giáo viên có năng lực, chuyên môn thực sự chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học của mình.

Xây dựng cơ chế gắn thành tích nghiên cứu khoa học với các vấn đề khen thưởng, đãi ngộ, xét phong tặng danh hiệu nhà giáo, thi đua khen thưởng các cấp, nâng lương trước hạn, đề bạt chức vụ; động viên các giáo

viên trẻ tham gia nghiên cứu khoa học các đề tài cấp cơ sở và tích cực tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng nghiên cứu khoa học.

### 3. Kết luận

Năng lực nghiên cứu khoa học của giáo viên được thể hiện ở trình độ nắm bắt những sự kiện khoa học; biết huy động hệ thống tri thức và kỹ năng để giải quyết vấn đề nghiên cứu một cách độc lập, sáng tạo và đem lại hiệu quả thiết thực. Nếu như đối với nghề dạy học của giáo viên, đạo đức, kiến thức, kỹ năng, thái độ và niềm tin phải được hòa trộn thì đối với hoạt động nghiên cứu khoa học cũng sẽ không thể tách bạch mà nó nhất thiết

phải được “hòa trộn” đầy đủ ở mỗi giáo viên. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, các trường tiểu học ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long phải chú trọng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giáo viên, coi đây vừa là giải pháp cơ bản trước mắt, vừa là giải pháp thường xuyên, lâu dài trong chiến lược trung hạn hay dài hạn nhằm đảm bảo tính thống nhất để phát triển.

**Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài của tỉnh Đồng Tháp “Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông tỉnh Đồng Tháp đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục mới”, mã số 09/2021-ĐTXX.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Đặng Quốc Bảo - Đỗ Quốc Anh - Đinh Thị Kim Thoa, (2007), *Cẩm nang nâng cao năng lực và phẩm chất đội ngũ giáo viên*, NXB Lí luận Chính trị, Hà Nội.
- [2] Raja Roy Singh, (1990), *Nền giáo dục cho thế kỉ XXI - Những triển vọng của vòng cung Châu Á - Thái Bình Dương*, Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Lê Thành Vinh, (2017), *Phát triển nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học giáo dục trong bối cảnh đổi mới giáo dục*, Tạp chí Giáo dục, 407 (1), tr.1-5.
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (09/6/2017), Thông tư số 15/2017/TT- BGDĐT về việc Sửa đổi bổ sung một số chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông.
- [5] Nguyễn Đức Vũ, (2017), *Phát triển chương trình bồi dưỡng giáo viên đáp ứng đổi mới giáo dục và đào tạo*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia - Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế, NXB Thông tin và Truyền thông, tr.570-580.
- [6] Hồ Văn Thống - Chủ nhiệm đề tài, (2021), *Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông tỉnh Đồng Tháp đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục mới*, mã số 09/2021-ĐTXX.
- [7] Nguyễn Văn Đệ - Phan Trọng Nam, (8/2015), *Hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên trung học phổ thông trong bối cảnh mới*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 119, tr.6-8.
- [8] Nguyen Van De - Nguyen Thi Thu Hang, (2019), *The role of the high-school teachers in Vietnam in the context of international integration*, Social edagogy with the care for a human being (From Vietnamese research). Zielona Góra, ISBN 978-83-952691-3-4.
- [9] Nguyễn Văn Đệ - Chủ nhiệm đề tài, (2015), *Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giáo viên ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long*, Đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ, Quỹ Nafosted tài trợ, mã số VI2.3-213.15.
- [10] Nguyễn Văn Đệ (Chủ biên) - Phạm Minh Hùng, (2013), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học quản lí giáo dục*, NXB Giáo dục Việt Nam.

## RESEARCH TO DEVELOP SCIENTIFIC RESEARCH CAPACITY FOR PRIMARY SCHOOL TEACHERS IN THE MEKONG DELTA TO MEET THE 2018 GENERAL EDUCATION PROGRAM

Ho Van Thong\*<sup>1</sup>, Nguyen Van De<sup>2</sup>,  
Lu Thi Hai Yen<sup>3</sup>, Cao Thanh Hung<sup>4</sup>

\* Corresponding author

<sup>1</sup> Email: hvthong@dtthu.edu.vn

<sup>2</sup> Email: nvde@dtthu.edu.vn

<sup>3</sup> Email: haiyen1973@gmail.com

<sup>4</sup> Email: cthung@cdspkg.edu.vn

Dong Thap University

783 Pham Huu Lau street, Cao Lanh city,

Dong Thap province, Vietnam

**ABSTRACT:** The two main responsibilities of teachers are teaching and doing scientific research, which are closely related activities. Teachers' science research activities have received a lot of attention, as seen by the Ministry of Education and Training's June 9, 2017, Circular No. 15/2017/TT-BGDĐT on revising and supplementing certain working regimes for high school teachers. As a result, mastering scientific research competence is a breakthrough toward improving the quality of education and a need for education to become a driving force for socio-economic development. The unknown nature of the development problem requires finding solutions to overcome existing shortcomings and limitations to improve the quality of education. This study focuses on assessing the current situation and proposing measures to develop scientific research competence for primary school teachers in the Mekong Delta region - one of the crucial issues for implementing the 2018 General Education Curriculum.

**KEYWORDS:** Primary school teachers, competence, scientific research, development, the 2018 General Education Curriculum.